

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH****BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2014/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ**Quy định Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với
cơ quan quản lý du lịch thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương***Căn cứ Luật Thống kê ngày 26 tháng 6 năm 2003;**Căn cứ Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;**Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16/7/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;**Căn cứ Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 02/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê;**Căn cứ Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;**Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch,**Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các cơ quan quản lý du lịch thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.***Điều 1. Phạm vi thống kê, đối tượng áp dụng****1. Phạm vi thống kê:**

Thông tư này hướng dẫn về biểu mẫu báo cáo thống kê sử dụng tại các cơ quan quản lý du lịch thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cơ quan quản lý du lịch địa phương) đối với các hoạt động du lịch, theo địa bàn được phân công quản lý.

2. Đối tượng áp dụng:

Cơ quan quản lý du lịch địa phương bao gồm:

a) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Phòng Văn hóa và Thông tin các quận, huyện, theo phân cấp được giao về quản lý hoạt động du lịch trên địa bàn (nếu có).

Điều 2. Chế độ báo cáo

1. Nội dung báo cáo:

Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các cơ quan quản lý du lịch địa phương chia làm 2 phần: Phần biểu mẫu (03 biểu mẫu) và Phần hướng dẫn, giải thích biểu mẫu. Các đơn vị được phân công thực hiện báo cáo thống kê theo Danh mục các biểu mẫu báo cáo thống kê tại Phụ lục 1 và Phần Hướng dẫn, giải thích cách ghi biểu mẫu báo cáo thống kê tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thời hạn và kỳ gửi báo cáo thống kê:

a) Thời hạn báo cáo:

Ngày báo cáo được ghi cụ thể tại góc bên trái của từng biểu mẫu thống kê. Cụ thể như sau:

- Báo cáo quý: Ngày 20 tháng sau của quý báo cáo;

- Báo cáo năm: Ngày 20 tháng 02 của năm sau.

b) Kỳ báo cáo thống kê:

Kỳ báo cáo thống kê là khoảng thời gian nhất định mà đối tượng báo cáo thống kê phải thể hiện kết quả hoạt động bằng số liệu theo các tiêu chí thống kê trong biểu mẫu báo cáo thống kê. Kỳ báo cáo thống kê được tính theo ngày dương lịch, bao gồm:

- Báo cáo thống kê quý: Báo cáo thống kê quý được tính bắt đầu từ ngày mùng 1 của tháng đầu quý cho đến ngày cuối cùng của tháng cuối quý báo cáo;

- Báo cáo thống kê năm: Báo cáo thống kê năm được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo thống kê đó.

3. Phương thức gửi báo cáo:

Báo cáo được gửi tới nơi nhận bằng cả hai hình thức sau:

a) Báo cáo thống kê được thể hiện bằng văn bản và phải có chữ ký, đóng dấu của thủ trưởng đơn vị;

b) Bảng tệp dữ liệu báo cáo (gửi kèm thư điện tử) cho đơn vị nhận báo cáo.

Điều 3. Đơn vị báo cáo, trách nhiệm và nghĩa vụ của đơn vị báo cáo

1. Đơn vị báo cáo:

Đơn vị báo cáo được ghi cụ thể tại góc bên phải của từng biểu mẫu thống kê, là tên cơ quan quản lý du lịch địa phương.

2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của đơn vị báo cáo:

a) Chấp hành báo cáo đầy đủ, chính xác chỉ tiêu quy định trong từng biểu mẫu báo cáo;

- b) Lập báo cáo theo đúng quy định về thời điểm báo cáo, thời kỳ báo cáo;
- c) Gửi báo cáo cho đơn vị nhận báo cáo theo đúng quy định về thời hạn.

Điều 4. Đơn vị nhận báo cáo

Đơn vị nhận báo cáo được ghi cụ thể tại góc bên phải của từng biểu mẫu thống kê là cơ quan quản lý du lịch cấp trên trực tiếp. Với cơ quan quản lý du lịch cấp tỉnh, cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp là Tổng cục Du lịch Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2015.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các cơ quan quản lý du lịch địa phương do Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định.
3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Vụ Kế hoạch, Tài chính và Tổng cục Du lịch) để kịp thời xem xét, điều chỉnh./.

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Tuấn Anh

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ ÁP DỤNG
ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ DU LỊCH TỈNH, THÀNH PHỐ
TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Biểu số: 01.Q/DL-SVHTTDL

Ban hành theo Thông tư số 27/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
 Ngày báo cáo: Ngày 20 tháng sau quý báo cáo

KẾT QUẢ
KINH DOANH DU LỊCH

Quý..... năm.....

Đơn vị báo cáo:
 Sở VHNTDL.....

Đơn vị nhận báo cáo:
 Tổng cục Du lịch

Chỉ tiêu	ĐV tính	Mã số	Số thực hiện kỳ trước	Số thực hiện kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế so với cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4 = %
1. Cơ sở lưu trú du lịch được quản lý						
1.1. Tổng số lượt khách phục vụ (Chỉ tính khách có nghỉ qua đêm tại cơ sở lưu trú)						
- Khách quốc tế đến	Lượt	01				
- Khách du lịch nội địa	Lượt	02				
1.2. Tổng số ngày khách (số đêm lưu trú)	Đêm					
- Khách quốc tế đến	Đêm	03				
- Khách du lịch nội địa	Đêm	04				
1.3. Công suất sử dụng phòng các cơ sở lưu trú du lịch	%	05				
- Khách sạn, làng du lịch 5 sao	%	06				
- Khách sạn, làng du lịch 4 sao	%	07				
- Khách sạn, làng du lịch 3 sao	%	08				
- Khách sạn, làng du lịch 2 sao	%	09				
- Khách sạn, làng du lịch 1 sao	%	10				
- Biệt thự, căn hộ du lịch cao cấp	%	11				
- Biệt thự, căn hộ du lịch đạt chuẩn	%	12				
- Bãi cắm trại, nhà nghỉ, nhà có phòng cho thuê... đạt chuẩn	%	13				
- Khác	%	14				

Chỉ tiêu	ĐV tính	Mã số	Số thực hiện kỳ trước	Số thực hiện kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế so với cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4 = %
1.4. Doanh thu các cơ sở lưu trú du lịch	Triệu đ	15				
Tổng doanh thu phân theo xếp hạng						
- Khách sạn, làng du lịch 5 sao	Triệu đ	16				
- Khách sạn, làng du lịch 4 sao	Triệu đ	17				
- Khách sạn, làng du lịch 3 sao	Triệu đ	18				
- Khách sạn, làng du lịch 2 sao	Triệu đ	19				
- Khách sạn, làng du lịch 1 sao	Triệu đ	20				
- Biệt thự, căn hộ du lịch cao cấp	Triệu đ	21				
- Biệt thự, căn hộ du lịch đạt chuẩn	Triệu đ	22				
- Bãi cắm trại, nhà nghỉ, nhà có phòng cho thuê... đạt chuẩn	Triệu đ	23				
- Khác	Triệu đ	24				
2. Doanh nghiệp lữ hành, vận chuyển khách được quản lý						
2.1. Số lượt khách phục vụ do doanh nghiệp lữ hành, vận chuyển	Lượt	25				
- Khách quốc tế đến	Lượt	26				
- Khách du lịch nội địa	Lượt	27				
- Khách Việt Nam du lịch nước ngoài	Lượt	28				
2.2. Doanh thu	Triệu đ	29				
Trong đó:						
- Khách quốc tế đến	Triệu đ	30				
- Khách du lịch nội địa	Triệu đ	31				
- Khách Việt Nam du lịch nước ngoài	Triệu đ	32				
3. Các khu, điểm du lịch được công nhận						
3.1. Số lượt khách phục vụ	Lượt	33				
3.2. Doanh thu	Triệu đ	34				
- Phí và lệ phí	Triệu đ	35				
- Dịch vụ khác	Triệu đ	36				
4. Số lượt khách du lịch trên địa bàn						
- Khách quốc tế đến	Lượt	37				
- Khách du lịch nội địa	Lượt	38				
5. Tổng thu từ khách du lịch trên địa bàn	Triệu đ	39				

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

..... Ngày... tháng... năm 20..
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)